

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **12350**/BTC-CST

Hà Nội, ngày 13 tháng 11 năm 2023

V/v dự thảo Thông tư bãi bỏ một số Thông tư của Bộ Tài chính trong lĩnh vực thuế

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Hiệp hội Thuế lá Việt Nam.

Thực hiện các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật về việc Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các Thông tư trong lĩnh vực thuế và đề xuất bãi bỏ một số Thông tư quy định thời hạn có hiệu lực trong văn bản, đến nay đã qua thời hạn thực hiện hoặc thực tế không còn được áp dụng do nội dung của Thông tư đó đã được quy định tại các Thông tư chung về thuế hoặc một số nội dung của Thông tư trái với quy định của Luật thuế hiện hành.

Bộ Tài chính đã dự thảo Thông tư bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực thuế và Phụ lục (gửi kèm).

Đề nghị Quý cơ quan gửi công văn tham gia ý kiến đối với dự thảo Thông tư về Bộ Tài chính (Cục QLGSCT Thuế, phí và lệ phí) trước ngày 30/11/2023, đồng thời gửi file theo địa chỉ hòm thư: phanthihongnhung@mof.gov.vn.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị. *by*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (gb) ✓

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



[Signature]
Cao Anh Tuấn

Số: /2023/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm

DỰ THẢO

THÔNG TƯ

Bãi bỏ một số Thông tư của Bộ Tài chính trong lĩnh vực thuế

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật thuế giá trị gia tăng ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 19 tháng 6 năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06 tháng 4 năm 2016 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý, giám sát chính sách thuế, phí và lệ phí;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư bãi bỏ một số Thông tư của Bộ Tài chính trong lĩnh vực thuế.

Điều 1. Bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực thuế.

Bãi bỏ toàn bộ các Thông tư sau đây:



1. Thông tư số 74/2006/TT-BTC ngày 16/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện miễn thuế đối với hoạt động đánh bắt hải sản, sản xuất muối chưa qua chế biến và giảm thuế đối với cơ sở kinh doanh sử dụng người lao động là người dân tộc thiểu số từ năm 2006 đến hết năm 2010.

2. Thông tư số 164/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá.

3. Thông tư số 181/2009/TT-BTC ngày 14/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg.

4. Thông tư số 06/2010/TT-BTC ngày 13/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán vé, bán thẻ hội viên sân golf.

5. Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

6. Thông tư số 151/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư.

7. Thông tư số 176/2010/TT-BTC ngày 05/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp trích trước vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp để tạo nguồn hỗ trợ cho các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

8. Thông tư số 104/2011/TT-BTC ngày 12/7/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

9. Thông tư số 30/2013/TT-BTC ngày 18/3/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.

10. Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.

11. Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 5/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014.

12. Thông tư số 214/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế, chính sách ưu đãi về hỗ trợ ngân sách nhà nước, thuế và tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1193/QĐ-TTg ngày 30/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc tại thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các Hội, Đoàn thể;
- Hội đồng dân tộc;
- Sở Tài chính, KBNN, Cục thuế, Cục Hải quan các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử của Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, CST (b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Cao Anh Tuấn



Phụ lục 1

THUYẾT MINH DỰ THẢO THÔNG TƯ BÃI BỎ MỘT SỐ THÔNG TƯ CỦA BỘ TÀI CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ

*(Kèm theo công văn số 12350/BTC-CST
ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Bộ Tài chính)*

I. Về sự cần thiết ban hành Thông tư bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực thuế

1. Quy định có liên quan tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)

Khoản 1 Điều 12 Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13 quy định: “*Văn bản QPPL chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ bằng văn bản QPPL của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó hoặc bị đình chỉ thi hành hoặc bãi bỏ bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*”.

Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015 quy định: “*Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây:*

- 1. Hết thời hạn có hiệu lực đã được quy định trong văn bản.*
- 2. Được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật mới của chính cơ quan nhà nước đã ban hành văn bản đó.*
- 3. Bị bãi bỏ bằng một văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.*
- 4. Văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực thì văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết thi hành văn bản đó cũng đồng thời hết hiệu lực.”*

Điều 156 Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13 quy định:

“*Điều 156. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật*

...

2. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn.

3. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật do cùng một cơ quan ban hành có quy định khác nhau về cùng một vấn đề thì áp dụng quy định của văn bản quy phạm pháp luật ban hành sau.”

Khoản 1 Điều 166 và Điều 170 Luật ban hành văn bản QPPL số 80/2015/QH13 quy định:

“*Điều 166. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái pháp luật*

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành ...

Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành trái pháp luật thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ có trách nhiệm tự mình bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản.

Điều 170. Rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Cơ quan nhà nước trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật; nếu phát hiện có quy định trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội thì tự mình hoặc kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kịp thời đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung, ban hành văn bản mới hoặc thay thế văn bản quy phạm pháp luật."

2. Nội dung rà soát các Thông tư trong lĩnh vực thuế đề xuất bãi bỏ

Qua rà soát, có 12 Thông tư trong lĩnh vực thuế: (i) quy định thời hạn có hiệu lực trong văn bản, đến nay đã qua thời hạn thực hiện; hoặc (ii) thực tế không còn áp dụng do nội dung đã được quy định tại các Thông tư chung về thuế hoặc một số nội dung trái với quy định của Luật thuế hiện hành, cần thiết bãi bỏ. Cụ thể:

- Có 05 Thông tư quy định thời hạn có hiệu lực trong văn bản, đến nay đã qua thời hạn thực hiện. Vì vậy, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật ban hành văn bản QPPL nêu trên, các văn bản này đã hết hiệu lực. Danh mục các văn bản cụ thể như sau:

(1) Thông tư số 74/2006/TT-BTC ngày 16/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện miễn thuế đối với hoạt động đánh bắt hải sản, sản xuất muối chưa qua chế biến và giảm thuế đối với cơ sở kinh doanh sử dụng người lao động là người dân tộc thiểu số từ năm 2006 đến hết năm 2010.

(2) Thông tư số 181/2009/TT-BTC ngày 14/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg.

(3) Thông tư số 30/2013/TT-BTC ngày 18/3/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sản phẩm hàng hóa theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ.

(4) Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 5/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014.

(5) Thông tư số 214/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế, chính sách ưu đãi về hỗ trợ ngân sách nhà nước, thuế và tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định tại Quyết định số 1193/QĐ-TTg ngày 30/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc tại thành phố Cần Thơ.

- Có 07 Thông tư thực tế không còn được áp dụng do nội dung đã được quy định tại các Thông tư chung về thuế hoặc một số nội dung trái với quy định của Luật thuế hiện hành, cần thiết bãi bỏ. Danh mục các văn bản cụ thể như sau:

(1) Thông tư số 164/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá.

(2) Thông tư số 06/2010/TT-BTC ngày 13/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với hoạt động bán vé, bán thẻ hội viên sân golf.

(3) Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

(4) Thông tư số 151/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư.

(5) Thông tư số 176/2010/TT-BTC ngày 05/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp trích trước vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp để tạo nguồn hỗ trợ cho các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo.

(6) Thông tư số 104/2011/TT-BTC ngày 12/7/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài.

(7) Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng.

(Phụ lục 2 rà soát các Thông tư được đề xuất bãi bỏ kèm theo)

3. Nội dung đề xuất:

Căn cứ quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL và nội dung rà soát tại điểm 1, điểm 2 nêu trên, Bộ Tài chính ban hành Thông tư bãi bỏ toàn bộ các Thông tư nêu trên.

II. Nội dung dự thảo Thông tư

Dự thảo Thông tư gồm 2 Điều:

Điều 1. Bãi bỏ một số Thông tư trong lĩnh vực thuế

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm .

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Về đánh giá tác động của việc bãi bỏ văn bản:

Một số Thông tư đã quy định cụ thể thời hạn có hiệu lực trong văn bản, đến nay đã qua thời hạn thực hiện. Các Thông tư còn lại trong danh mục đề xuất bãi bỏ thì thực tế không còn áp dụng do nội dung đã được quy định tại các Thông tư chung về thuế hoặc một số nội dung trái với quy định của Luật thuế hiện hành.

Do vậy, việc bãi bỏ các Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN./.

NỘI DUNG RÀ SOÁT CÁC THÔNG TƯ ĐƯỢC ĐỀ XUẤT BÃI BỎ

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
1	Thông tư số 74/2006/TT-BTC ngày 16/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện miễn thuế đối với hoạt động đánh bắt hải sản, sản xuất muối chưa qua chế biến và giảm thuế đối với cơ sở kinh doanh sử dụng người lao động là người dân tộc thiểu số từ năm 2006 đến hết năm 2010	Tên Thông tư và điểm 1 mục III Thông tư đã nêu rõ Thông tư này chỉ áp dụng từ năm 2006 đến hết năm 2010. Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. (điểm 1 mục III Thông tư quy định: “I- Cơ quan thuế các cấp có trách nhiệm xem xét, kiểm tra các đối tượng thuộc diện miễn thuế theo Thông tư này để không thu thuế môn bài, thuế tài nguyên và thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2006 đến hết năm 2010”).
2	Thông tư số 164/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá	- Trước ngày 15/8/2013: Tại Điều 11 Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ về sản xuất và kinh doanh thuốc lá quy định: “Điều 11. Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá 1. Các doanh nghiệp đầu tư trồng thuốc lá được trích trong giá mua nguyên liệu thuốc lá để lập Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá nhằm mục đích phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá. 2. Việc trích lập và sử dụng Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.” Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định 119/2007/NĐ-CP, ngày 31/12/2007 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 164/2007/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập, quản lý và sử dụng Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá. Tại khoản 1 Mục II Thông tư số 164/2007/TT-BTC quy định: “1. Mức trích lập Quỹ: Từ 1% đến 5% trên giá mua của số lượng nguyên liệu thuốc lá bán ra trong kỳ hoặc trên giá mua của số lượng nguyên liệu thuốc lá đưa vào sản xuất tạo ra sản phẩm tiêu thụ trong kỳ ... - Số tiền trích lập Quỹ nguyên liệu thuốc lá được tính vào giá thành nguyên liệu thuốc lá của doanh nghiệp đầu tư trồng thuốc lá.” - Từ ngày 15/8/2013: Chính phủ đã ban hành Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá (PCTHTL) về kinh doanh thuốc lá có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/8/2013 thay thế Nghị định số 119/2007/NĐ-CP ngày 18/7/2007 của Chính phủ. Tại Điều 16 Nghị định số 67/2013/NĐ-CP quy định về Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá như sau: “Điều 16. Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá 1. Các doanh nghiệp đầu tư trồng cây thuốc lá được trích trong giá mua nguyên liệu thuốc lá để lập Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá nhằm mục đích phát triển vùng nguyên liệu thuốc lá.

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
		2. Việc trích lập và sử dụng Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.” Mặc dù tại Nghị định số 67/2013/NĐ-CP quy định “Việc trích lập và sử dụng Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính” tuy nhiên, theo quy định của Luật thuế TNDN hiện hành và các văn bản hướng dẫn thì doanh nghiệp chỉ được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với các khoản chi thực tế phát sinh, liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Đối với khoản trích lập Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá là khoản doanh nghiệp chưa thực chi, doanh nghiệp chỉ trích trước vào Quỹ để khi thực tế phát sinh thì sử dụng Quỹ để chi. Do đó, chưa có cơ sở để cho tính vào chi phí được trừ khi tính thuế TNDN đối với khoản trích lập Quỹ trồng và chế biến nguyên liệu thuốc lá hay tiếp tục ban hành Thông tư hướng dẫn về việc trích lập Quỹ. Căn cứ Điều 154 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015, khi Chính phủ ban hành Nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 thay thế Nghị định số 119/2007/NĐ-CP thì Thông tư số 164/2007/TT-BTC hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định số 67/2013/NĐ-CP có hiệu lực là 15/8/2013. Do hiện chưa có văn bản quy phạm pháp luật bãi bỏ Thông tư số 164/2007/TT-BTC nên cần thiết ban hành Thông tư bãi bỏ Thông tư số 164/2007/TT-BTC.
3	Thông tư số 181/2009/TT-BTC ngày 14/9/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg ngày 22/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg, Quyết định số 66/2009/QĐ-TTg và Quyết định số 67/2009/QĐ-TTg	Nội dung Thông tư số 181/2009/TT-BTC đã quy định rõ thời hạn áp dụng chính sách là năm 2009. Cụ thể: Điều 1. Giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 1. Giảm 50% mức thuế suất thuế giá trị gia tăng từ ngày 22 tháng 7 năm 2009 (ngày Quyết định số 96/2009/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành) đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2009 đối với các trường hợp sau: a. Nhà ở để cho thuê đối với học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề (không phân biệt học tại trường công lập hay ngoài công lập) thuê trong quá trình học tập; b. Nhà ở để cho thuê đối với công nhân làm việc tại các khu công nghiệp; c. Nhà ở để bán, để cho thuê, cho thuê mua đối với người có thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở. Điều 2. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 1. Miễn số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2009 đối với các khoản thu nhập sau đây: a. Thu nhập từ hoạt động đầu tư, kinh doanh nhà ở để cho thuê đối với học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng nghề, trung cấp nghề thuê trong quá trình học tập; b. Thu nhập từ hoạt động đầu tư, kinh doanh nhà ở để cho thuê đối với công nhân làm việc tại các khu công nghiệp;



STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
		c. Thu nhập từ các hoạt động đầu tư, kinh doanh nhà ở để bán, để cho thuê, cho thuê mua đối với người có thu nhập thấp có khó khăn về nhà ở. ... Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
4	Thông tư số 06/2010/TT-BTC ngày 13/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với hoạt động bán vé, bán thẻ hội viên sân golf	Nội dung Thông tư gồm 2 Điều: Điều 1 quy định về việc xác định doanh thu tính thuế TNDN đối với việc bán vé, bán thẻ hội viên chơi golf. Điều 2 quy định về Tổ chức thực hiện. Đến nay, nội dung của Điều 1 Thông tư này đã được quy định tại điểm g khoản 3 Điều 5 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
5	Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	1. Về căn cứ pháp lý: Căn cứ pháp lý ban hành văn bản đã hết hiệu lực: Nghị định số 78/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài; Nghị định số 121/2007/NĐ-CP ngày 25/7/2007 quy định về đầu tư trực tiếp ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí. 2. Về nội dung: - Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Nội dung hướng dẫn về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại Điều 2 Thông tư này đã được thay thế và quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021). - Về thuế GTGT: Nội dung hướng dẫn về thuế GTGT tại Điều 3 Thông tư này đã được quy định tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (cụ thể: Điều 9 hướng dẫn về thuế suất 0%; khoản 20 Điều 5 quy định về đối tượng không chịu thuế đối với hàng hóa tạm xuất, tái nhập; Điều 2 quy định về đối tượng chịu thuế). - Về thuế TNDN: Nội dung hướng dẫn về thuế TNDN tại Điều 4 Thông tư này đã được quy định tại khoản 22 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
6	Thông tư số 151/2010/TT-BTC ngày 27/9/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước đối với Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá	Nội dung Thông tư số 151/2010/TT-BTC gồm 3 điều: Điều 1 quy định về đối tượng và phạm vi áp dụng, Điều 2 quy định các loại thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước áp dụng đối với Quỹ phát triển đất và Điều 3 quy định về tổ chức thực hiện. Trong đó, tại Điều 2 quy định: - Về thuế TNDN: chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) từ hoạt động thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất của Quỹ phát triển đất không phải chịu thuế TNDN. Đến nay, nội dung này đã được quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015) (thu nhập từ thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
	đất, thu hồi đất, bồi thường và hỗ trợ tái định cư	của Quỹ phát triển đất là thu nhập miễn thuế TNDN). - Về thuế GTGT: + Tại điểm a khoản 2 Điều 2 quy định: <i>“a) Các hoạt động ứng vốn và hỗ trợ do Quỹ phát triển đất cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.”</i> Quy định này không còn phù hợp vì đến nay, pháp luật thuế GTGT hiện hành không có quy định các hoạt động ứng vốn và hỗ trợ do Quỹ phát triển quỹ đất cung cấp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Tuy nhiên, các hoạt động ứng vốn và hỗ trợ của Quỹ phát triển đất theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và khoản 1 Điều 11 Quy chế mẫu về quản lý, sử dụng Quỹ phát triển đất chủ yếu liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, và các khoản chi hỗ trợ. Trong khi đó, tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: <i>“Tổ chức, cá nhân nhận các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác”</i> thuộc các trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT. Do đó, nội dung này thực hiện theo Thông tư số 151/2010/TT-BTC hay theo quy định của pháp luật thuế GTGT hiện hành thì đơn vị cũng đều không phải nộp thuế GTGT; tuy nhiên, theo quy định hiện hành thì đơn giản thủ tục hành chính hơn vì đơn vị không phải kê khai thuế GTGT đối với hoạt động này. - Tại điểm b khoản 2 Điều 2 quy định: <i>“b) Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ủy thác cho Quỹ đầu tư phát triển hoặc Quỹ tài chính khác của địa phương quản lý Quỹ phát triển đất hoặc Quỹ phát triển đất được nhận ủy thác quản lý, sử dụng vốn từ các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước thì phí dịch vụ ủy thác/nhận ủy thác (trừ phí dịch vụ ủy thác/nhận ủy thác cho vay) thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.”</i> Theo quy định nêu trên thì phí dịch vụ ủy thác/nhận ủy thác cho vay không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT đối với dịch vụ cấp tín dụng và dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng: <i>“a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;</i> <i>b) Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng.”</i> Như vậy, kể từ 01/01/2014 thì phí dịch vụ ủy thác/nhận ủy thác cho vay chưa rõ có thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT theo quy định Luật số 31/2013/QH13 hay không vì nếu dịch vụ ủy thác/nhận ủy thác cho vay thuộc hình thức cấp tín dụng khác thì phí dịch vụ ủy



STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
		thác/nhận uỷ thác cho vay thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, ngược lại nếu dịch vụ uỷ thác/nhận uỷ thác cho vay không thuộc hình thức cấp tín dụng khác thì phí dịch vụ này thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. (Đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến về việc dịch vụ uỷ thác/nhận uỷ thác cho vay có thuộc hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật hay không). Tuy nhiên, dù nội dung này tại Thông tư số 151/2010/TT-BTC có phù hợp hay không phù hợp với pháp luật thuế GTGT hiện hành thì vẫn cần thiết bãi bỏ để đảm bảo minh bạch và thống nhất trong thực hiện. - Tại điểm d khoản 2 Điều 2 quy định: <i>“d) Quỹ phát triển đất thực hiện kê khai, khấu trừ, nộp thuế, hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng và các văn bản hướng dẫn thi hành.</i> <i>Đối với tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn ngân sách nhà nước không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng mà tính vào nguyên giá tài sản cố định. Trường hợp tài sản cố định được hình thành một phần từ nguồn vốn ngân sách nhà nước thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo tỷ lệ (%) của nguồn vốn ngân sách nhà nước trên tổng nguồn vốn hình thành tài sản cố định.</i> <i>Trường hợp Quỹ phát triển đất thực hiện theo cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập có thu tự đảm bảo một phần chi phí hoạt động thì không được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đối với hàng hoá, dịch vụ mua vào bằng các nguồn kinh phí do Nhà nước cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập”.</i> Quy định này không còn phù hợp vì theo quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành (Luật số 31/2013/QH13, Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, Thông tư số 219/2013/TT-BTC) thì thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế GTGT đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT bị tổn thất; thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT (không quy định việc khấu trừ thuế theo nguồn vốn hình thành tài sản cố định). Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
7	Thông tư số 176/2010/TT-BTC ngày 05/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn doanh nghiệp trích trước vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN để tạo nguồn hỗ trợ cho các	Thông tư số 176/2010/TT-BTC quy định về việc tính vào chi phí hoặc trích trước vào chi phí khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN của doanh nghiệp để doanh nghiệp tài trợ hoặc tạo nguồn để doanh nghiệp tài trợ cho các huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo. Nội dung Thông tư gồm 4 điều: Điều 1, Điều 2, Điều 3 quy định về đối tượng và phạm vi, cơ chế trích và mục đích sử dụng của khoản

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
	huyện nghèo thực hiện Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo	trích trước, quản lý khoản trích trước. Điều 4 quy định về tổ chức thực hiện. Kể từ năm 2014, theo quy định của Luật thuế TNDN số 32/2013/QH12 (khoản 5 Điều 1) đã bổ sung quy định khoản tài trợ theo chương trình của Nhà nước dành cho các địa phương thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN. Như vậy, nội dung quy định tại Luật thuế TNDN nêu trên đã thay thế cho nội dung quy định tại Thông tư số 176/2010/TT-BTC. Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
8	Thông tư số 104/2011/TT-BTC ngày 12/7/2011 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2010/TT-BTC ngày 19/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà đầu tư Việt Nam đầu tư ra nước ngoài	Nội dung Thông tư số 104/2011/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Thông tư số 11/2010/TT-BTC về hai nội dung: thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế TNDN (thủ tục kê khai và nộp thuế đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài), trong đó: - Về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Nội dung hướng dẫn về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu tại Khoản 1, khoản 2 Điều 1 Thông tư này đã được thay thế và quy định tại Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021). - Về thuế TNDN: Thủ tục kê khai và nộp thuế đối với khoản thu nhập từ dự án đầu tư tại nước ngoài tại khoản 3 Điều 1 Thông tư này đã được quy định tại điểm 22 Điều 7 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
9	Thông tư số 30/2013/TT-BTC ngày 18/3/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ	Nội dung Thông tư số 30/2013/TT-BTC đã quy định rõ thời hạn áp dụng việc hoàn thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa cho các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư kể từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 14/11/2012 (Điều 1), đồng thời quy định phải hoàn tất hồ sơ và nộp trước ngày 30/6/2013 cho cơ quan thuế hoặc cơ quan hải quan nơi đã khai, nộp thuế (khoản 2 Điều 3). Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
10	Thông tư số 141/2013/TT-BTC ngày 16/10/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13/8/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNDN và Luật sửa	Nội dung Thông tư số 141/2013/TT-BTC gồm 6 điều: Điều 1 và Điều 2 quy định về thuế TNDN, Điều 3 và Điều 4 quy định về thuế GTGT, Điều 5 và Điều 6 quy định về hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành. Đến nay, nội dung Điều 1, Điều 2, Điều 3 và Điều 4 Thông tư số 141/2013/TT-BTC đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN và thuế GTGT, cụ thể: - Về thuế TNDN: Nội dung Điều 1, Điều 2 Thông tư này đã được quy định tại khoản 2 Điều 11 và điểm d khoản 3 Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính. - Về thuế GTGT: + Nội dung Điều 3 về áp dụng thuế suất 5% đối với bán, cho thuê,

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
	đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT	cho thuê mua nhà ở xã hội đã được quy định tại khoản 16 Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. + Nội dung Điều 4 về giảm 50% mức thuế suất thuế GTGT đối với bán, cho thuê hoặc cho thuê mua nhà ở thương mại là căn hộ hoàn thiện có diện tích sàn dưới 70 m² và có giá bán dưới 15 triệu đồng/m² đã được quy định rõ thời gian có hiệu lực là từ ngày 01/7/2013 đến hết ngày 30/6/2014. Đến nay quy định này đã hết hiệu lực. Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
11	Thông tư số 187/2013/TT-BTC ngày 05/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 204/2013/NĐ-CP ngày 5/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết của Quốc hội về một số giải pháp thực hiện ngân sách nhà nước năm 2013, 2014	Nội dung Thông tư số 187/2013/TT-BTC quy định rõ các chính sách được áp dụng cho năm 2013 và năm 2014, cụ thể: “Điều 1. Thu vào ngân sách nhà nước đối với cổ tức được chia năm 2013 và năm 2014 cho phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần có vốn nhà nước do Bộ, ngành, địa phương đại diện chủ sở hữu. ... Điều 2. Thu ngân sách nhà nước đối với lợi nhuận còn lại của năm 2013 và năm 2014 sau khi trích nộp các quỹ theo quy định của pháp luật của các tập đoàn, tổng công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. ... Điều 3. Thu, sử dụng tiền lãi dầu, khí nước chủ nhà được chia và tiền độc, sử dụng tài liệu dầu khí năm 2013, 2014. ... Điều 4. Sử dụng quỹ dự trữ tài chính của địa phương để bù đắp giảm thu ngân sách địa phương 1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phép sử dụng không quá 70% số dư quỹ dự trữ tài chính của địa phương để bù đắp phần giảm thu ngân sách địa phương năm 2013 trong trường hợp bị hụt thu cân đối ngân sách địa phương mà sau khi đã huy động các nguồn lực tài chính của địa phương và sắp xếp, bố trí lại các nhiệm vụ chi ngân sách vẫn không bù đắp đủ nguồn. ... Điều 5. Miễn thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân) và thuế TNDN trong năm 2013 và 2014 đối với hộ, cá nhân và tổ chức. ...” Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN.
12	Thông tư số 214/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn cơ chế, chính sách ưu đãi về hỗ trợ ngân sách nhà nước, thuế và tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước theo quy định tại Quyết định	Nội dung Thông tư số 214/2015/TT-BTC đã quy định rõ thời hạn áp dụng Thông tư kể từ ngày 14/02/2016 đến hết ngày 31/12/2020. Do vậy, việc bãi bỏ Thông tư này không tạo khoảng trống pháp lý và không ảnh hưởng đến số thu NSNN. (khoản 1 Điều 9 Thông tư này quy định: “1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 2 năm 2016 đến ngày 31/12/2020.” (là ngày hết hạn thực hiện thí điểm của Quyết định số 1193/QĐ-TTg)).

STT	Tên văn bản	Lý do bãi bỏ
	số 1193/QĐ-TTg ngày 30/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Vườn ươm công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc tại thành phố Cần Thơ	

